

Bản án số: 98/2024/HN-PT
Ngày: 26/8/2024
V/v “Ly hôn, tranh chấp về
nuôi con, chia tài sản khi ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- *Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:*

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Thu Phương

Các Thẩm phán: 1/ Bà Đặng Thị Bích Loan

2/ Bà Đoàn Thị Trang

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Võ Thị Thoa – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh:* Bà Trần Thị Kim Nghĩa – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong ngày 26 tháng 8 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 70/2024/TLPT-HNGĐ ngày 04 tháng 7 năm 2024 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn”.

Do bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 1840/2024/HNGĐ-ST ngày 15 tháng 5 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 4296/2024/QĐ-PT ngày 01 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Vũ Thị Phương L, sinh năm 1971

Địa chỉ: Số H đường Q, Khu phố A, phường B, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Ông Phạm Văn C, sinh năm 1971

Địa chỉ: Số H đường Q, Khu phố A, phường B, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người kháng cáo: Bị đơn ông Phạm Văn C.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nguyên đơn bà Vũ Thị Phương L trình bày:

Bà và ông Phạm Văn C tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Tam Bình, quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận kết hôn số 15 ngày 14/02/2008. Quá trình chung sống vợ chồng không hòa thuận, hạnh phúc do tính cách khác biệt. Vợ chồng không đồng nhất quan điểm về công việc, sinh hoạt... nên xảy ra nhiều mâu thuẫn. Ông C không tôn trọng bà, thường xuyên xúc phạm, bạo hành tinh thần đối với bà nhưng vì thương con nên bà đã cố gắng nhẫn nhịn giữ gìn gia đình. Tuy nhiên đến nay mâu thuẫn quá căng thẳng không thể tiếp tục kéo dài cuộc sống chung nên bà yêu cầu ly hôn ông Phạm Văn C.

Con chung: có một con tên Phạm Việt T (nam), sinh ngày 20/01/2010, bà yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con và yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.500.000 đồng.

Tài sản chung: Trong quá trình chung sống vợ chồng không tạo lập được tài sản chung nên bà không đồng ý với yêu cầu chia tài sản của ông C. Căn nhà số H đường Q, Khu phố A, phường B, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh có nguồn gốc do cha mẹ của bà mua của ông Nguyễn Hoàng và tặng cho bà trước khi bà kết hôn với ông C.

Nợ chung: Không có.

Theo bị đơn ông Phạm Văn C trình bày:

Ông thống nhất việc kết hôn, con chung đúng như bà L trình bày, đến nay vợ chồng không còn yêu thương, chia sẻ lẫn nhau nên ông đồng ý ly hôn với bà L.

Về con chung: Ông đồng ý giao con Phạm Việt T (nam), sinh ngày 20/01/2010 cho bà L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, ông đồng ý cấp dưỡng nuôi con 1.500.000 đồng/tháng.

Tài sản chung: Ông xác nhận căn nhà tại địa chỉ Số H đường Q, Khu phố A, phường B, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh là do cha mẹ bà L cho bà L. Tuy nhiên quá trình chung sống ông cũng có đóng góp, sửa chữa nhà hai lần, một lần vào năm 2008 chi phí hơn 80.000.000 đồng và năm 2021 tiếp tục sửa chữa với chi phí khoảng 60.000.000 đồng. Nay ông yêu cầu bà L thanh toán cho ông số tiền 1.000.000.000 đồng, trong đó trị giá căn nhà 200.000.000 đồng và 800.000.000 đồng là một phần trị giá quyền sử dụng đất và công sức ông đã chăm sóc con và những đóng góp để xây dựng gia đình trong thời gian sống chung với bà L.

Nợ chung: Không có.

Tại bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 1840/2024/HNGĐ-ST ngày 15/5/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh đã tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân:

Bà Vũ Thị Phương L và ông Phạm Văn C thuận tình ly hôn.

2. Về con chung: Giao con chung Phạm Việt T cho bà L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Ông C cấp dưỡng nuôi con 1.500.000 đồng/tháng, thực hiện từ tháng 6 năm 2024 cho đến khi con đủ tuổi trưởng thành.

3. Tài sản chung:

3.1 Căn nhà số H đường Q, Khu phố A, phường B, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh là tài sản riêng của bà Vũ Thị Phương L, đã được Ủy ban nhân dân quận Thủ Đức cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở, hồ sơ gốc số 1864/2008/GCN ngày 24/3/2008.

3.2 Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của ông Phạm Văn C về việc “Chia tài sản chung khi ly hôn”; Bà L có trách nhiệm thanh toán cho ông C số tiền 100.000.000 đồng.

3.3 Không chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của ông C về việc “Chia tài sản chung khi ly hôn” đối với số tiền 900.000.000 đồng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, quyền nghĩa vụ của cha mẹ với con chung sau khi ly hôn, quyền kháng cáo và việc thi hành án của các đương sự theo qui định của pháp luật.

Ngày 21/5/2024, ông Phạm Văn C có đơn kháng cáo một phần bản án sơ thẩm về việc chia tài sản, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét buộc bà L phải thanh toán cho ông số tiền 1.000.000.000đ.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị đơn ông Phạm Văn C đồng thời là người kháng cáo trình bày:

Ông xác định chỉ kháng cáo một phần án sơ thẩm về việc chia tài sản. Về nợ chung không có. Cụ thể, năm 2008 sau khi kết hôn vợ chồng ông C về chung sống tại nhà số H đường Q, Khu phố A, phường B, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh, đây là tài sản bà L được cha mẹ cho riêng trước khi kết hôn với ông C. Ngoài chỗ ở của gia đình thì tại đây có phòng cho thuê, ông làm công nhân kỹ thuật điện, bà L làm công nhân may. Khi sinh con, bà L ông C gửi con cho ông bà ngoại chăm sóc đến lúc con được 2 tuổi thì ông C nghỉ việc ở nhà trông nom con cái, nhà cửa để bà L yên tâm đi làm. Tiền cho thuê phòng trọ lúc đầu do bà L quản lý, khi ông C nghỉ việc ở nhà thì ông là người quản lý tiền cho thuê phòng trọ (khoảng 6.000.000đ/tháng). Ông C có thuê mặt bằng sửa điện gia dụng tại chợ gần nhà để có thêm thu nhập, lúc đầu thu nhập không nhiều, hiện nay thu nhập khoảng 10.000.000đ/tháng.

Theo ông công nhân đi làm phải thuê nhà trọ ở vẫn sống được, toàn bộ chi phí gia đình khoảng 7.000.000đ/tháng ông C lo hết, tiền học của con ông cũng đóng, bà L làm công nhân không đóng góp gì thì phải có dư nhưng muốn giữ riêng. Ông C có công sức đóng góp cho gia đình, cụ thể là đóng góp sửa nhà 2 lần vào năm 2008 và năm 2021, mỗi lần khoảng 100.000.000đ, bà L chỉ đóng góp 5.000.000đ; khi ở nhà ông C còn nấu cơm, đón con đi học về, chăm sóc bà L, làm việc nhà...do đó ông C kháng cáo yêu cầu bà L phải chia tài sản, thanh

toán cho công sức ông đóng góp cho gia đình khi sống với bà L là 600.000.000đồng.

Nguyên đơn bà Vũ Thị Phương L trình bày:

Bà không kháng cáo, yêu cầu giữ nguyên án sơ thẩm. Bà và ông C không có tài sản chung để chia, nợ chung không có. Nhà đất số H đường Q, Khu phố A, phường B, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh là tài sản bà được cha mẹ cho riêng, đã có sẵn 3 phòng lớn để cho thuê trọ tăng thu nhập và một phần nhà để ở. Đến năm 2008 sau khi bà lấy ông C, vợ chồng bà về ở tại căn nhà này và cùng nhau sửa lại nhà, cụ thể là ngăn 3 phòng trọ lớn thành 6 phòng trọ nhỏ để tiện cho thuê, ông C góp 80 triệu đồng, bà góp 10 triệu đồng, tổng cộng là 90 triệu đồng để sửa, sửa xong còn dư lại 35 triệu đồng bà đã đưa lại cho ông C giữ hết. Lần thứ hai vào khoảng năm 2021 có sửa chữa nhỏ, bà đóng góp thêm 10 triệu đồng, tổng chi phí 2 lần sửa nhà khoảng 100 triệu đồng. Về công sức đóng góp xây dựng, sửa chữa vào giá trị nhà bà giữ nguyên như đã thỏa thuận với ông C tại biên bản ngày 27/7/2023 là 200.000.000đồng và đồng ý thanh toán cho ông C $\frac{1}{2}$ giá trị là 100.000.000đồng. Bà làm công nhân may thu nhập hiện nay khoảng 5,5 triệu đồng/tháng, bà tự lo việc ăn uống của hai mẹ con, đi lại, quần áo, tiền học thêm của con, thuốc men...; Sáng bà chở con đi học, chiều ông C đón con về, ông C quản lý tiền cho thuê phòng trọ để lo chi phí khác trong nhà nên bà không đồng ý yêu cầu của ông C đòi chia tài sản, trả tiền công sức chăm sóc cho bà, đưa đón con đi học...là 600.000.000đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu: những người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của họ theo quy định của pháp luật. Bà L ông C có đăng ký kết hôn nên là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Đối với việc ly hôn, nuôi con và cấp dưỡng nuôi con các đương sự không kháng cáo nên không xét. Đối với yêu cầu của ông C đòi bà L chia tài sản, trả 600.000.000đồng tiền công sức đóng góp cho gia đình, cụ thể như đưa đón con đi học, nấu cơm, làm việc nhà trong thời gian hôn nhân với bà L là không có cơ sở vì đây là trách nhiệm của người chồng, người cha trong gia đình. Giá trị đóng góp, tiền sửa nhà hai bên đã thỏa thuận ngày 27/7/2023 là 200 triệu đồng nên án sơ thẩm buộc bà L phải trả cho ông C $\frac{1}{2}$ giá trị là 100 triệu đồng là có cơ sở; vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của ông C, giữ nguyên án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận. Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Về hình thức: Đơn kháng cáo của ông Phạm Văn C làm trong thời hạn luật định, đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm, phù hợp với quy định tại Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nên đơn kháng cáo được chấp nhận xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về nội dung kháng cáo:

Bà Vũ Thị Phương L và ông Phạm Văn C đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Tam Bình, quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận kết hôn số 15 ngày 14/02/2008 nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Do cuộc sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, bà L có đơn kiện xin ly hôn với ông C tại Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, yêu cầu được nuôi con chung và được tòa sơ thẩm chấp nhận, phần này đương sự không kháng cáo, Viện kiểm sát không kháng nghị nên không xét.

Đối với yêu cầu kháng cáo của ông C:

Căn cứ Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở, hồ sơ gốc số 1864/2008/GCN do Ủy ban nhân dân quận Thủ Đức cấp cho bà Vũ Thị Phương L ngày 24/3/2008 cũng như các tài liệu trong hồ sơ, lời trình bày, thừa nhận và thống nhất của ông C bà L thì nhà đất số H đường Q, Khu phố A, phường B, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh là tài sản bà L được cha mẹ của bà cho riêng trước khi kết hôn với ông C, ông C thừa nhận nhà đất nói trên là tài sản riêng của bà L.

Ông C trình bày sau khi kết hôn với bà L năm 2008 thì ông về chung sống với bà L tại nhà đất trên, cùng nhau quản lý sử dụng nhà và có sửa chữa nhà 2 lần vào năm 2008 và khoảng năm 2021, trong đó ông C đóng góp tiền sửa nhà nhiều hơn bà L, ông còn đi chợ, nấu cơm cho vợ con ăn, chăm sóc bà L và nhà cửa, đưa đón con đi học... đây chính là công sức đóng góp cho gia đình của ông C vì vậy ông C kháng cáo yêu cầu bà L phải thanh toán cho ông tiền công sức đóng góp cho gia đình là 600.000.000 đồng.

Xét thấy, tại Biên bản thỏa thuận về xác định trị giá tài sản ngày 27/7/2023, hai bên thống nhất trị giá căn nhà là 200.000.000 đồng. Bà L thừa nhận trong quá trình chung sống căn nhà đã xuống cấp và cần ngăn thêm phòng trọ để tiện cho thuê nên cả hai cùng đóng góp chi phí để xây dựng, sửa chữa nâng cấp căn nhà. Do đây là tài sản thuộc quyền sở hữu của bà L, sau khi ly hôn bà L được quyền tiếp tục sử dụng toàn bộ căn nhà, bao gồm cả phần bị đơn đã cùng đầu tư công sức và chi phí để sửa chữa, xây dựng nên án sơ thẩm buộc nguyên đơn phải thanh toán cho bị đơn $\frac{1}{2}$ trị giá căn nhà, tương đương 100.000.000 đồng là phù hợp.

Theo qui định tại Điều 17, Điều 19 Luật Hôn nhân và Gia đình 2014 thì vợ chồng có nghĩa vụ yêu thương, tôn trọng, quan tâm, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ thực hiện các công việc trong gia đình; Vợ chồng bình đẳng với nhau, có quyền nghĩa vụ ngang nhau về mọi mặt trong gia đình. Tại tòa phúc thẩm, bà L trình bày và ông C thừa nhận sau khi sinh con ông bà đã gửi con cho ông bà ngoại chăm sóc đến lúc con 2 tuổi mới đón về cho đi học, chăm sóc đến nay và ông bà ngoại không yêu cầu, đòi hỏi công sức gì. Từ khi đón con về ông C quản lý tiền cho thuê phòng trọ để lo gia đình, đây là huê lợi thu được từ tài sản riêng của bà L. Theo bà L thì ông C không chăm sóc gì cho bà, bà làm công nhân may, sáng bà đưa con đi học rồi đi làm, về tự lo việc ăn uống của 2 mẹ con, quần áo, thuốc men khi cần, chi phí đi lại, cho con học thêm... còn ông C phụ đón con về, như vậy bà L ông C đều cùng thực hiện công việc gia đình. Trường

hợp trong quá trình sống chung ông C đã hỗ trợ bà L các công việc nhà và chăm sóc, đưa đón con đi học thì đó là trách nhiệm, nghĩa vụ của người chồng, người cha, là sự giúp đỡ, chia sẻ giữa vợ chồng với nhau, cùng nhau thực hiện các công việc gia đình theo qui định của Luật Hôn nhân gia đình nên yêu cầu thanh toán công sức vì đã đóng góp xây dựng gia đình và nuôi vợ con của ông C là không phù hợp với quy định của pháp luật. Về nợ chung ông C bà L xác định không có nên không xét; do đó không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của ông C, cần giữ nguyên án sơ thẩm như đề nghị của Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa.

[3] Về án phí: do giữ nguyên án sơ thẩm nên người kháng cáo phải chịu án phí phúc thẩm, theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 148, Điều 306, khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Căn cứ các Điều 33,43,44,45, 56, 57,59, 81,82,83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình 2014; Căn cứ Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008 đã sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Tuyên xử:

* Về hình thức: Chấp nhận đơn kháng cáo của ông Phạm Văn C về mặt hình thức.

* Về nội dung: Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông Phạm Văn C. Giữ nguyên bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 1840/2024/HNGĐ-ST ngày 15/5/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh như sau :

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Vũ Thị Phương L.

1.1. Về quan hệ hôn nhân:

Bà Vũ Thị Phương L và ông Phạm Văn C thuận tình ly hôn.

1.2. Về con chung: Giao con chung tên Phạm Việt T, sinh ngày 20/01/2010 cho bà Vũ Thị Phương L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Ông Phạm Văn C cấp dưỡng nuôi con 1.500.000 đồng/tháng, thực hiện từ tháng 6 năm 2024 cho đến khi con chung đủ tuổi trưởng thành.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người

trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con thực hiện các nghĩa vụ này, yêu cầu người không trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của mình. Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được pháp luật quy định, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

1.3. Về tài sản chung:

1.3.1. Nhà đất số H đường Q, Khu phố A, phường B, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh là tài sản riêng của bà Vũ Thị Phương L, đã được Ủy ban nhân dân quận Thủ Đức cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở, hồ sơ gốc số 1864/2008/GCN ngày 24/3/2008.

1.3.2. Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của ông Phạm Văn C về việc “Chia tài sản khi ly hôn”;

Bà Vũ Thị Phương L có trách nhiệm thanh toán cho ông Phạm Văn C số tiền 100.000.000 (một trăm triệu) đồng.

Không chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của ông Phạm Văn C về việc yêu cầu bà L phải chia tài sản, thanh toán công sức đóng góp cho gia đình với số tiền 600.000.000 đồng.

1.3.3. Về nợ chung: không có.

2. Về thi hành án:

Thi hành dưới sự giám sát của cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án không thi hành án thì hàng tháng còn phải chịu tiền lãi đối với số tiền phải thanh toán theo mức lãi suất được quy định tại Điều 357 và Khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 trên số tiền chưa thi hành tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

3. Về án phí, chi phí tố tụng:

Bị đơn phải chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ (đã tạm ứng đủ).

Bà Vũ Thị Phương L phải chịu 300.000 (ba trăm ngàn) đồng án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn và 5.000.000 (năm triệu) đồng án phí dân sự sơ thẩm về chia tài sản khi ly hôn, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí bà L đã tạm nộp là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng theo biên lai thu tiền số AA/2021/0028818 ngày 10/10/2022 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà L còn phải nộp thêm 5.000.000 (năm triệu) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Phạm Văn C phải chịu 300.000 (ba trăm ngàn) đồng án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu cấp dưỡng nuôi con và 5.000.000 (năm triệu) đồng án phí dân sự sơ thẩm về chia tài sản khi ly hôn, nhưng được trừ vào số tiền 21.000.000 (hai mươi một triệu) đồng tạm ứng án phí ông C đã tạm nộp theo biên lai thu tiền số AA/2022/0003420 ngày 20/3/2023 của Chi cục thi hành án thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông C được nhận lại số tiền chênh lệch là 15.700.000 (mười lăm triệu bảy trăm ngàn) đồng.

Án phí dân sự phúc thẩm 300.000 đồng ông Phạm Văn C phải chịu nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm ông C đã tạm nộp theo biên lai thu tiền số 0027141 ngày 28/5/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông C đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân Tối cao;
- Tòa án nhân dân cấp cao tại TPHCM;
- Viện kiểm sát Cấp cao tại TPHCM,
- Viện kiểm sát nhân dân TP.HCM
- TAND tp Thủ Đức TPHCM;
- Chi cục THADS tp Thủ Đức, TP.HCM;
- UBND nơi đăng ký kết hôn ;
- Các đương sự (để thi hành)
- Lưu: HS/VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Thu Phương